



BẢN TIN
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, THUẾ &
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
Phát hành định kỳ hàng tháng



Anh

Tư Vấn & Kiểm Toán

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 16, Lô VP-05, Khu đô thị Việt Phát, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
ĐT: 0225 3736866 * Email : acacvn@acacvn.com

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Số 2, Ngách 26/15 Đường Huy Du, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 024 35568636 * Website : acacvn.com

Nội dung	Trang
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)	3-4
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	5
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)	6
CÁC LOẠI THUẾ KHÁC	7-8
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	9-12
CÁC VĂN BẢN KHÁC	13

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)**Xin ý kiến về việc giảm thuế GTGT 6 tháng đầu năm 2024**

Theo Công văn số 11239/BTC-CST ngày 13/10/2023 xin ý kiến về việc giảm thuế GTGT 6 tháng đầu năm 2024 gửi các Bộ, UBND các tỉnh, VCCI và UB TƯ Mặt trận tổ quốc VN, Ngày 04/10/2023, Thủ tướng Chính phủ có công văn số 920/TTg-KTTH gửi Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đề xuất giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT) 6 tháng đầu năm 2024. Tại công văn số 920/TTg-KTTH, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo:

“Bộ Tài chính khẩn trương đề xuất việc trình Quốc hội tiếp tục giảm thuế GTGT 2% trong 6 tháng đầu năm 2024 và đề xuất giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trong thời gian giữa 02 kỳ họp Quốc hội nếu tình hình kinh tế và doanh nghiệp vẫn còn khó khăn; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 05/10/2023 theo đúng kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 399a/TB-VPCP ngày 29/9/2023, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, đáp ứng tiến độ thời gian và đúng quy trình, trình tự, thủ tục, trong đó có tính đến phương án tổng hợp nội dung đề xuất này vào Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2023, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 như một trong những biện pháp điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 để trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”.

Thực hiện Kết luận của Thường trực Chính phủ, Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản nêu trên, Bộ Tài chính đã có công văn số 10830/BTC-CST ngày 06/10/2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về nội dung chính sách giảm thuế GTGT 2% trong 6 tháng đầu năm 2024.

Để đảm bảo đúng quy trình, trình tự, thủ tục theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 920/TTg-KTTH, Bộ Tài chính đề nghị quý đơn vị có ý kiến về nội dung chính sách giảm thuế GTGT 2% như sau: ...

* Nội dung chính sách Việc thực hiện giảm thuế GTGT đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% đã được thực hiện ổn định trong năm 2022 và năm 2023. Do vậy, tại công văn số 10830/BTC-CST, Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tiếp tục giảm thuế GTGT như nội dung đã được quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 101/2023/QH15, cụ thể:

- Giảm 2% thuế suất thuế GTGT, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: Viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản xuất kim loại và sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, ngành khai khoáng (không kể khai thác than), sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất, các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thời gian áp dụng: Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024.

Giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc tiếp tục giảm thuế GTGT sau thời 5 điểm 30/6/2024 nếu tình hình kinh tế và doanh nghiệp, người dân vẫn còn khó khăn, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Đánh giá tác động đến thu ngân sách nhà nước, việc thực hiện chính sách giảm thuế GTGT 2% trong 06 tháng đầu năm 2024 dự kiến sẽ giảm thu NSNN khoảng 25 nghìn tỷ đồng (khoảng 4,175 nghìn tỷ/tháng, trong đó, giảm thu khâu nội địa là 2.700 tỷ đồng; giảm thu khâu nhập khẩu khoảng 1.475 tỷ đồng).

Chính sách thuế GTGT

Theo **Công văn số 4513/TCT-CS ngày 11/10/2023** về thuế GTGT, trường hợp tàu Pegasus 01 của Công ty TNHH Vận tải biển và đầu tư Phi Mã không sản xuất, nhập khẩu hay tiêu dùng ở Việt Nam, tàu không mang cờ Việt Nam thì về nguyên tắc khi Công ty bán tàu biển này cho doanh nghiệp nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của thuế GTGT. Cục Thuế Tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan để xử lý đúng quy định.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**Chính sách thuế TNDN đối với tái cơ cấu vốn giữa các thành viên tập đoàn và hoạt động chuyển giao hàng hóa giữa các thành viên trong tập đoàn**

Theo Công văn số 4602/TCT-CS ngày 17/10/2023 của TCT, trường hợp CJ CHEILJEDANG có kế hoạch tái cấu trúc nội bộ và chuyển giao toàn bộ vốn đầu tư tại Việt Nam sang cho Công ty CJ FOODS ASIA HOLDINGS LIMITED thì CJ CHEILJEDANG có trách nhiệm xác định thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC, kê khai thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP và Thông tư 80/2021/TT-BTC. Trường hợp CJ CHEILJEDANG chuyển giao quyền nắm giữ vốn cho Công ty CJ FOODS ASIA HOLDINGS LIMITED nếu có phát sinh thu nhập thì thực hiện kê khai, nộp thuế TNDN theo quy định. Công ty TNHH CJ FOODS VIỆT NAM có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài theo quy định.

Trường hợp có phát sinh giao dịch liên kết, đề nghị công ty TNHH CJ FOODS VIỆT NAM căn cứ các quy định của pháp luật để thực hiện kê khai giao dịch liên kết theo đúng quy định.

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)**Giảm trừ gia cảnh**

Theo **Công văn số 4758/TCT-DNNCN** ngày 26/10/2023 của TCT, trường hợp người nộp thuế đăng ký giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc là cháu nội, cháu ngoại (mà vẫn còn bố mẹ đang trong độ tuổi lao động, vẫn có khả năng lao động và nuôi dưỡng) thì không thuộc đối tượng được giảm trừ gia cảnh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

Thuế tài nguyên

Theo Công văn số 4561/TCT-CS ngày 13/10/2023 về thuế tài nguyên

“Điều 5. Sản lượng tài nguyên tính thuế

Đối với loại tài nguyên khai thác xác định được số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng thì sản lượng tài nguyên tính thuế là số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng của tài nguyên thực tế khai thác trong kỳ tính thuế. Trường hợp tài nguyên khai thác thu được sản phẩm tài nguyên có nhiều cấp độ, chất lượng, giá trị thương mại khác nhau thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định theo sản lượng từng loại tài nguyên có cùng cấp độ chất lượng, giá trị thương mại như nhau hoặc quy ra sản lượng của loại tài nguyên có sản lượng bán ra lớn nhất để làm căn cứ xác định sản lượng tính thuế cho toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác trong kỳ.

Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định như sau: Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra (tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu) thì sản lượng tài nguyên tính thuế là sản lượng tài nguyên khai thác được xác định bằng cách quy đổi từ sản lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ để bán ra theo định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm. Định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm do NNT kê khai căn cứ dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn công nghệ thiết kế để sản xuất sản phẩm đang ứng dụng, trong đó.

- Trường hợp sản phẩm bán ra là sản phẩm tài nguyên thì căn cứ định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm tài nguyên sản xuất bán ra.

- Trường hợp sản phẩm bán ra là sản phẩm công nghiệp thì căn cứ định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm công nghiệp sản xuất bán ra. Việc xác định sản phẩm bán ra sau quá trình chế biến là sản phẩm công nghiệp hay không phải sản phẩm công nghiệp do Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo thẩm quyền.... tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC đã nêu rõ phương pháp xác định sản lượng tính thuế và giá tính thuế tài nguyên theo từng loại đá sau nỏ mìn. Thông tư số 152/2015/TT-BTC về thuế tài nguyên không quy định áp dụng Danh mục hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam để xác định sản phẩm công nghiệp để áp dụng phương pháp xác định giá tính thuế tài nguyên trên cơ sở giá bán sản phẩm đã qua sản xuất, chế biến trừ chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp, chỉ quy định áp dụng phương pháp này trong trường hợp sản phẩm chế biến được Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành xác định sản phẩm đó là sản phẩm công nghiệp. Đối với sản phẩm đá sau chế biến hiện nay chưa có Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành xác định đá sau khi nghiền, đập là sản phẩm công nghiệp nên chưa có cơ sở để áp dụng phương pháp này.

Xác định tỷ giá nộp thuế nhà thầu

Theo **Công văn số 4666/TCT-CS ngày 23/10/2023** của TCT, cho mục đích ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính thì doanh nghiệp cần xác định trường hợp nộp thay thuế cho nhà thầu nước ngoài là giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế hay chưa để xác định tỷ giá hạch toán cho phù hợp:

- Đối với trường hợp mà theo hợp đồng thuế nhà thầu nước ngoài là khoản nợ phải thu của doanh nghiệp tại Việt Nam thì tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch;
- Đối với trường hợp mà theo hợp đồng thuế nhà thầu nước ngoài được tính vào giá trị tài sản hoặc các khoản chi phí mua từ nhà thầu nước ngoài mà chưa thanh toán ngay thì tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch;
- Đối với trường hợp mà theo hợp đồng thuế nhà thầu nước ngoài được tính vào giá trị tài sản hoặc các khoản chi phí mua từ nhà thầu nước ngoài được thanh toán ngay bằng ngoại tệ thì tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Người nộp thuế thực hiện kê khai điều chỉnh theo đúng quy định tại Điều 47 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

VẤN ĐỀ KHÁC**Hướng dẫn liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho hộ kinh doanh**

Tổng cục Thuế ban hành Công văn 2749/TCT-KK năm 2023 triển khai liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh theo Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT .

Tổng cục Thuế hướng dẫn liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cho hộ kinh doanh

Theo đó, căn cứ theo Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT quy định một số điểm mới khi thực hiện liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh trong trường hợp thành lập mới, thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, cụ thể:

(1) Đối với trường hợp người nộp thuế là hộ kinh đăng ký thành lập mới hộ kinh doanh:

- Hộ kinh doanh thực hiện kê khai theo mẫu “GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH” tại Phụ lục III-1 ban hành kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT và nộp tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở kinh doanh (nộp bằng giấy trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở hộ kinh doanh hoặc nộp qua bưu chính hoặc nộp qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp).

- Tại thời điểm thành lập mới hộ kinh doanh có nhiều hơn một địa điểm kinh doanh thì hộ kinh doanh lựa chọn một địa điểm để đăng ký làm trụ sở hộ kinh doanh. Đối với các địa điểm kinh doanh còn lại, hộ kinh doanh thực hiện kê khai thông tin địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh theo mẫu “GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH” tại Phụ lục III-1 ban hành kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT .

(2) Đối với trường hợp hộ kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc hộ kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký thuế (trước thời điểm 01/7/2023) có phát sinh thêm mới địa điểm kinh doanh thì thực hiện kê khai thông tin theo mẫu “THÔNG BÁO về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh” tại Phụ lục III-2 ban hành kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT và nộp tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi có địa điểm kinh doanh.

(3) Hộ kinh doanh thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh:

- Hộ kinh doanh thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh là tên, địa chỉ trụ sở kinh doanh, thành viên, vốn, ngành/nghề kinh doanh, thông tin đăng ký thuế thì thực hiện kê khai theo mẫu “THÔNG BÁO về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh” tại Phụ lục III-2 ban hành kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT nộp tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký;

- Trường hợp hộ kinh doanh thay đổi địa chỉ trụ sở kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý (chuyển sang tỉnh khác hoặc chuyển sang địa bàn cấp huyện khác mà không cùng địa bàn quản lý của Chi cục Thuế khu vực) nộp tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi dự định đặt trụ sở mới.

- Trường hợp hộ kinh doanh thay đổi các thông tin của địa điểm kinh doanh thì nộp hồ sơ tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế theo quy định tại Thông tư 105/2020/TT-BTC .

(4) Hộ kinh doanh thay đổi chủ hộ kinh doanh thực hiện kê khai thông tin theo mẫu “THÔNG BÁO thay đổi chủ hộ kinh doanh” tại Phụ lục III-3 ban hành kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BKHĐT và nộp tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký, đồng thời chủ hộ kinh doanh phải thực hiện đóng MST của hộ kinh doanh đã cấp theo MST của chủ hộ kinh doanh cũ tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh, căn cứ trên thông tin của chủ hộ kinh doanh mới do Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế tạo MST mới cho hộ kinh doanh.

Yêu cầu đối với việc số hóa hồ sơ, giấy tờ thủ tục hành chính ngành BHXH Việt Nam

Ngày 25/9/2023, Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành **Quyết định 1333/QĐ-BHXH** về Quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Yêu cầu đối với việc số hóa hồ sơ, giấy tờ thủ tục hành chính ngành BHXH Việt Nam

Yêu cầu đối với việc số hóa hồ sơ, giấy tờ thủ tục hành chính ngành BHXH Việt Nam bao gồm:

- Quá trình số hóa phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn dữ liệu của hồ sơ, giấy tờ được số hóa và tính hoàn thiện về nội dung, quy trình số hóa.
- Quá trình số hóa phải bảo đảm các nguyên tắc về bảo vệ dữ liệu cá nhân, không làm xâm hại, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- Dữ liệu điện tử của giấy tờ phải lưu các trường dữ liệu đặc tả để tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính khác có liên quan.

Người có trách nhiệm thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ thủ tục hành chính ngành BHXH Việt Nam

Người có trách nhiệm thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ thủ tục hành chính ngành BHXH Việt Nam bao gồm:

- Công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện tiếp nhận, xử lý, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính.
- Nhân viên của doanh nghiệp cung ứng bưu chính và các trường hợp khác được giao đảm nhận việc số hóa hồ sơ, giấy tờ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử của ngành BHXH Việt Nam

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử ngành BHXH Việt Nam được quy định như sau:

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử phải bảo đảm thể thức theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc được chuyển từ bản giấy sang bản điện tử theo quy định tại Điều 25, 26, 27 Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư.
- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử phải được xử lý để bảo đảm đầy đủ các dữ liệu đặc tả được nêu tại khoản 2 Điều 9 Quyết định này và quy định về lưu trữ thông điệp điện tử theo quy định của Luật Giao dịch điện tử.
- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử được lưu vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Ngành BHXH Việt Nam.

Một số thay đổi trong thủ tục xác định nhu cầu sử dụng NLD nước ngoài

Ngày 18/9/2023, Chính phủ ban hành **Nghị định 70/2023/NĐ-CP** sửa đổi Nghị định 152/2020/NĐ-CP quy định NLD nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Thay đổi cơ quan cấp văn bản chấp thuận về việc sử dụng NLD nước ngoài

Theo Nghị định 70/2023/NĐ-CP thì thẩm quyền chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài như sau:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc theo Mẫu số 03/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 70/2023/NĐ-CP trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

Trước đây, thẩm quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài thuộc về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thay đổi về thời gian báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài

So với Nghị định 152/2020/NĐ-CP thì Nghị định 70/2023/NĐ-CP đã rút ngắn thời gian báo cáo giải trình xuống còn ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.

Đồng thời, trong quá trình thực hiện nếu thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài về vị trí, chức danh công việc, hình thức làm việc, số lượng, địa điểm thì phải báo cáo trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.

(Trước đây là ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài)

Thông báo tuyển dụng NLD Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng NLD nước ngoài trên Cổng thông tin điện tử

Theo **Nghị định 70/2023/NĐ-CP** thì kể từ ngày 01/01/2024, việc thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử.

Cụ thể, đăng tuyển dụng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) hoặc Cổng thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập.

Thời hạn ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến báo cáo giải trình với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc.

Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm: vị trí và chức danh công việc, mô tả công việc, số lượng, yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm, mức lương, thời gian và địa điểm làm việc.

Sau khi không tuyển được người lao động Việt Nam vào các vị trí tuyển dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

VĂN BẢN KHÁC

- ❖ Theo Công văn số 4766/TCT-CS ngày 26/10/2023 của TCT về việc lệ phí trước bạ đối với đất cho tặng.
- ❖ Theo Công văn số 4803/TCT-CS ngày 27/10/2023 của TCT về việc hóa đơn điện tử.
- ❖ Theo Công văn số 4765/TCT-CS ngày 26/10/2023 của TCT về việc chính sách thuế tài nguyên.
- ❖ Theo Công văn số 4657/TCT-KK ngày 20/10/2023 của TCT về việc khai thuế, hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư